

Số: 06/2024/DS-ST

Ngày: 17 – 01 - 2024

T/c về việc: “Hợp đồng vay”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thu T

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn C

2. Ông Phạm Văn T

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Bé D - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh L, tỉnh Vinh L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh L tham gia phiên tòa: Bà Phùng Kim T - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh L, tỉnh Vinh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 48/2023/TLST-DS, ngày 14 tháng 02 năm 2023 tranh chấp về việc “Hợp đồng vay”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 213/2023/QĐXXST-DS, ngày 07 tháng 12 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số: 614/2023/QĐST-DS, ngày 27 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1993 (có mặt)

Cư trú tại ấp Phú T A, xã Phú Q, huyện Long H, tỉnh Vinh L.

Nơi công tác số 53A, đường Phạm Thái B, Phường 4, thành phố Vinh L, tỉnh Vinh L.

- Bị đơn: Ông Hồ Nhật T, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Cư trú tại số A57, Khóm 3, Phường 9, thành phố Vinh L, tỉnh Vinh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 05/10/2022 và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, ông Nguyễn Tuấn A trình bày: Ông Tuấn A và ông T quen biết nhau, do ông T là khách hàng nơi Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Vinh L ông Tuấn A làm việc. Ông Tuấn A và ông T đều đăng ký mở tài khoản tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Vinh L, số tài khoản của ông Tuấn A 188846653, số tài khoản của ông T 164284506. Thông qua Ngân hàng và số tài khoản nêu trên, ông Tuấn A đã chuyển khoản cho ông T vay tiền 02 lần, cụ thể sau:

+ Lần thứ nhất: Vào ngày 01/8/2022, ông Tuấn A chuyển khoản số tiền 1.000.000.000 đồng theo số FT22213305402127, vào số tài khoản 164284506 (E) người

thụ hưởng là ông T, mục đích sử dụng tiền vay để kinh doanh bất động sản, không có lập văn bản mà chỉ bằng lời nói thỏa thuận thời hạn vay 30 ngày, lãi suất 1,24% tháng.

Từ ngày vay 01/8/2022 đến tháng 10/2022, ông T có chuyển khoản trả tiền lãi hàng tháng. Bắt đầu từ tháng 11/2022 cho đến nay 28/02/2023, ông T không có trả tiền lãi, tiền vốn. Hiện tại ông T còn nợ tiền vốn vay 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) và 04 tháng lãi.

+ Lần thứ hai: Vào ngày 05/8/2022, ông Tuấn A tiếp tục chuyển khoản số tiền 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng) theo số FT22217509264208, vào số tài khoản 164284506 (E) người thụ hưởng là ông T, để kinh doanh bất động sản, không có lập văn bản mà chỉ bằng lời nói thỏa thuận thời hạn vay 30 ngày, lãi suất 1,24% tháng.

Từ ngày vay 05/8/2022 đến tháng 10/2022, ông T có chuyển khoản trả tiền lãi hàng tháng. Bắt đầu từ tháng 11/2022 cho đến ngày 28/02/2023, ông T không có trả tiền lãi, tiền vốn. Hiện tại ông T còn nợ tiền vốn vay 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng) và 04 tháng lãi.

* Ông Tuấn A xuất trình nộp bản sao kê tài khoản giao dịch chuyển và nhận tiền giữa ông Tuấn A và ông T, ông Tuấn A giải thích và xác nhận những thông tin sau:

- Ông Tuấn A chuyển khoản cho ông T vay:

+ Vào ngày 01/8/2022, chuyển khoản số tiền 1.000.000.000 đồng theo số FT22213305402127, vào số tài khoản 164284506 (E) người thụ hưởng là ông T.

+ Vào ngày 05/8/2022, chuyển khoản số tiền 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng) theo số FT22217509264208, vào số tài khoản 164284506 (E) người thụ hưởng là ông T.

* Tài liệu, chứng cứ phía Ngân hàng cung cấp thông tin cho Tòa án, ông Tuấn A xác nhận như sau:

Ông Tuấn A là người thụ hưởng các FT từ ông T chuyển cho ông Tuấn A, gồm:

+ Ngày 12/8/2022: FT 2224170823061, số tiền 84.000.000 đồng. Đây là tiền lãi của khoản vay 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) của 12 ngày.

+ Ngày 20/8/2022: FT 22232879902309, số tiền 50.000.000 đồng. Đây là tiền lãi của khoản vay 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) của 01 tuần.

+ Ngày 16/9/2022: FT 22259399041540, số tiền 50.000.000 đồng. Đây là tiền lãi của khoản vay 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) của 01 tuần.

+ Ngày 30/8/2022: TT 22242149615286, số tiền 100.000.000 đồng. Đây là tiền lãi của khoản vay 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) của 02 tuần (14 ngày).

+ Ngày 09/9/2022 FT 22252294950604, số tiền 80.000.000 đồng. Đây là tiền lãi của khoản vay 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) của 12 ngày.

+ Ngày 05/11/2022 ông T có chuyển trả cho tôi số tiền 50.000.000 đồng. Đây là tiền lãi của khoản vay 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) của 07 ngày. Ngoài ra, ông Tuấn A không có nhận thêm khoản tiền nào của ông T chuyển trả cho ông Tuấn A.

Đến nay, thời hạn vay đã hết nhưng ông T không trả tiền vốn và tiền lãi. Ông Tuấn A đã nhiều lần yêu cầu ông T trả tiền vay nhưng cố tình tránh né, hứa hẹn nhiều lần nhưng không thực hiện. Nay ông Tuấn A yêu cầu ông T phải trả tiền vốn vay 1.000.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày ngưng đóng lãi tháng 11/2022 đến ngày hòa giải 07/12/2023, theo lãi suất thỏa thuận 1,24% tháng và tính lãi tiếp theo đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án. Buộc ông T phải trả tiền vốn vay 80.000.000 đồng và tiền lãi từ

ngày ngưng đóng lãi tháng 11/2022 đến ngày hòa giải 07/12/2023, theo lãi suất thỏa thuận 1,24% tháng và tính lãi tiếp theo đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án.

Bị đơn Hồ Nhựt T vắng mặt các phiên họp hòa giải và công khai chứng cứ:
Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng lần nhất vào ngày 08/11/2023; lần hai vào ngày 21/11/2023 để tham gia phiên họp lần nhất vào ngày 17/11/2023; lần hai vào ngày 07/12/2023 nhưng ông T vắng mặt, không lý do; thông báo kết quả công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 19/12/2023 nhưng ông T vắng mặt, không lý do và không có lời khai phản hồi vụ kiện nêu trên.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Tuấn A giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không có nộp tài liệu, chứng cứ gì mới đề xuất trình. Ông Tuấn A và ông T có giao dịch chuyển khoản 02 lần tổng cộng số tiền 1.080.000.000 đồng, yêu cầu ông T phải trả tiền này và tính lãi từ tháng 11/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm, trên cơ sở tài liệu, chứng cứ đã nộp cho Tòa án. Tiền vay có cùng lãi suất 1,24%/tháng, thời hạn 30 ngày, không có thế chấp tài sản, không xác lập hợp đồng vay bằng văn bản mà chỉ thỏa thuận bằng lời nói, thực hiện thỏa thuận tiền vay bằng phương thức chuyển khoản thông qua tài khoản của hai bên được mở tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Vĩnh L. Ông T vay tiền để sử dụng vào việc kinh doanh đất đai nhưng do không bán được đất nên ông T không trả nợ được cho ông Tuấn A.

Ông Tuấn A xác định các tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Vĩnh L là đúng và chính xác, các khoản cụ thể:

- Ông Tuấn A cho ông T vay tiền vào ngày 01/8/2022, số tiền 1.000.000.000 đồng. Ngày 05/8/2022, ông Tuấn A cho anh Thông vay tiếp số tiền vay 80.000.000 đồng.

- Ông Tuấn A đã nhận các khoản tiền của ông T chuyển, cụ thể:

- + Ngày 12/8/2022: FT 2224170823061, số tiền 84.000.000 đồng. Đây là tiền lãi của khoản vay 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) của 12 ngày.

- + Ngày 20/8/2022: FT 22232879902309, số tiền 50.000.000 đồng. Đây là tiền lãi của khoản vay 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) của 01 tuần.

- + Ngày 16/9/2022: FT 22259399041540, số tiền 50.000.000 đồng. Đây là tiền lãi của khoản vay 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) của 01 tuần.

- + Ngày 30/8/2022: TT 22242149615286, số tiền 100.000.000 đồng. Đây là tiền lãi của khoản vay 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) của 02 tuần (14 ngày).

- + Ngày 09/9/2022 FT 22252294950604, số tiền 80.000.000 đồng. Đây là tiền lãi của khoản vay 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) của 12 ngày.

- + Ngày 05/11/2022, ông T có chuyển trả cho ông Tuấn A số tiền 50.000.000 đồng. Đây là tiền lãi của khoản vay 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) của 07 ngày.

Ông Tuấn A xem xét lại số tiền lãi 84.000.000 đồng của khoản vay 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) của 12 ngày, tức là $1.000.000.000 \text{ đồng} \times 1,24\%/\text{tháng} \times 12 \text{ ngày}$ (từ ngày 01/8/2022 đến ngày 12/8/2022) bằng tiền lãi 4.960.000 đồng và khoản tiền vay 80.000.000 đồng $\times 1,24\%/\text{tháng} \times 08 \text{ ngày}$ (từ ngày 05/8/2022 đến 12/8/2022) bằng 264.533 đồng. Do đó, ông Tuấn A xác định và thừa nhận ngày 12/8/2022, ông T chuyển khoản cho ông Tuấn A nhận 84.000.000 đồng là tiền ông T đã trả nợ tiền vốn và tiền lãi của khoản vay số tiền 80.000.000 đồng vào ngày 05/8/2022.

Đối với khoản vay 1.000.000.000 đồng còn lại, ông Tuấn A xác định đã nhận tiền lãi ngày 12/8/2022 là 3.735.467 đồng; ngày 20/8/2022 số tiền 50.000.000 đồng; ngày 16/9/2022 số tiền 50.000.000 đồng; ngày 30/8/2022 số tiền 100.000.000 đồng; ngày 09/9/2022 số tiền 80.000.000 đồng; ngày 05/11/2022 số tiền 50.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền lãi đã nhận này được khấu trừ tiền lãi của số tiền 1.000.000.000 đồng, tính từ ngày vay cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Số tiền lãi dư ra được trừ vào vốn vay.

Tại phiên tòa sơ thẩm ông T vắng mặt, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng lần thứ nhất vào ngày 19/12/2023; lần hai vào ngày 04/01/2024 để tham gia phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất ngày 27/12/2023 và phiên tòa sơ thẩm lần hai ngày 17/01/2024 nhưng ông T vắng mặt, không có lý do.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh L, phát biểu: Về tố tụng, từ khi thụ lý cho đến quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự thủ tục tố tụng khác trong quá trình thụ lý, xét xử sơ thẩm đều tuân theo pháp luật quy định. Tuy nhiên, Tòa án thụ lý vụ án ngày 23/3/2023 cho đến ngày 21/8/2023, Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử là quá thời hạn quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử tại Điều 203 BLTTDS. Quyết định đưa vụ án ra xét xử đầy đủ nội dung, thành phần theo quy định tại Điều 220 BLTTDS. Thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định tại khoản 2 Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu ông T trả số tiền vay vốn lãi của hai lần vay với số tiền vốn lãi là 1.106.784.000 đồng; lãi suất tạm tính đến 01/10/2022 và tiếp tục tính lãi đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án là không có cơ sở chấp nhận toàn bộ. Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 468, 579 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Tuấn A. Buộc ông Hồ Nhật T trả cho nguyên đơn số tiền 758.130.000 đồng. Án phí dân sự sơ thẩm, ông T phải chịu theo quy định của pháp luật 34.325.200 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Quan hệ pháp luật được xác định là Hợp đồng vay, chủ thể ký kết giữa cá nhân với nhau và không phải là pháp nhân nên chưa hội đủ điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, quan hệ pháp luật được xác định là hợp đồng dân sự, bị đơn có nơi cư trú tại địa phận thành phố Vĩnh L. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì loại việc trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh L.

- Hợp đồng vay được xác lập trong năm 2022 nên Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật Dân sự đang hiện hành để giải quyết.

- Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh L đã tổng đạt văn bản tố tụng để triệu tập ông T tham gia phiên tòa sơ thẩm hợp lệ nhưng vắng mặt, không lý do. Căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo luật định.

[2]. Ông Tuấn A yêu cầu ông T trả hai khoản tiền vay trên cơ sở tài liệu, chứng cứ bản xác nhận thông tin của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Vĩnh L kèm theo sao kê tài khoản giao dịch chuyển khoản giữa ông Tuấn A và ông T. Về phía ông T, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng ông T vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến phản hồi thông báo thụ lý vụ án và không đưa ra tài liệu, chứng cứ để chứng minh bảo vệ quyền lợi cho mình nên phải chịu hậu quả theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, các tài liệu chứng cứ do phía ông Tuấn A xuất trình và phía Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Vĩnh L xác nhận thông tin thì thể hiện ông T có xác lập giao dịch vay số tiền của ông Tuấn A thông qua hệ thống Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Vĩnh L là có căn cứ và phù hợp với Điều 463 Bộ luật Dân sự.

Về thời hạn vay, phía ông Tuấn A cho rằng thỏa thuận thời hạn 30 ngày nhưng không chứng minh được, hiện tại đến năm 2022 ông T vẫn đóng tiền lãi cho ông Tuấn A. Do đó, Hội đồng xét xử điều chỉnh giao dịch vay tiền này theo khoản 2 Điều 469 Bộ luật Dân sự là hợp đồng vay không kỳ hạn, có lãi suất. Về mức lãi suất thỏa thuận 1,24%/tháng, tức là 14,885/năm là phù hợp với khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Đây là căn cứ để xem xét yêu cầu tính lãi tiền vay của các bên.

Tại phiên tòa, ông Tuấn A xem xét lại số tiền lãi 84.000.000 đồng của khoản vay 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) của 12 ngày, tức là 1.000.000.000 đồng x 1,24%/tháng x 12 ngày (từ ngày 01/8/2022 đến ngày 12/8/2022) bằng tiền lãi 4.960.000 đồng và khoản tiền vay 80.000.000 đồng x 1,24%/tháng x 08 ngày (từ ngày 05/8/2022 đến 12/8/2022) bằng 264.533 đồng. Do đó, ông Tuấn A xác định và thừa nhận ngày 12/8/2022 ông T chuyển khoản cho ông Tuấn A nhận 84.000.000 đồng là tiền ông T đã trả nợ tiền vốn và tiền lãi của khoản vay số tiền 80.000.000 đồng vào ngày 05/8/2022. Lời thừa nhận này phù hợp với lời khai của ông Tuấn A và chứng cứ có trong hồ sơ nên Hội đồng xét xử ghi nhận ông T đã trả đủ tiền vốn và tiền lãi của khoản vay này là có căn cứ.

Đối với khoản vay 1.000.000.000 đồng còn lại, ông Tuấn A xác định đã nhận tiền lãi ngày 12/8/2022 là 3.735.467 đồng; ngày 20/8/2022 số tiền 50.000.000 đồng; ngày 16/9/2022 số tiền 50.000.000 đồng; ngày 30/8/2022 số tiền 100.000.000 đồng; ngày 09/9/2022 số tiền 80.000.000 đồng; ngày 05/11/2022 số tiền 50.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền lãi đã nhận này được khấu trừ tiền lãi của số tiền 1.000.000.000 đồng, tính từ ngày vay cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Hội đồng xét xử xem xét tiền lãi của số tiền vay 1.000.000.000 đồng như sau: 1.000.000.000 đồng x 1,24%/tháng x 534 ngày (từ ngày 01/8/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 17/01/2024) bằng tiền lãi 220.720.000 đồng (Hai trăm hai mươi triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng). Tổng số tiền lãi ông Tuấn A đã nhận ngày 01/8/2022, ngày 20/8/2022, ngày 30/8/2022, ngày 09/9/2022, ngày 16/9/2022 và ngày 05/11/2022 tổng cộng 333.735.467 đồng (Ba trăm ba mươi ba triệu bảy trăm ba mươi lăm nghìn bốn trăm sáu mươi bảy đồng). Như vậy, số tiền lãi dư 113.015.467 đồng (Một trăm mười ba triệu không trăm mười lăm nghìn bốn trăm sáu mươi bảy đồng) được trừ vào vốn vay 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng), do đó ông T chỉ có nghĩa vụ hoàn trả tiền vốn vay ngày 01/8/2022 còn lại 886.984.533 đồng làm tròn 886.984.500 đồng (Tám trăm tám mươi sáu triệu chín trăm tám mươi bốn nghìn năm trăm đồng) là phù hợp Điều 463, khoản 1 Điều 468, Điều 469 Bộ luật Dân sự. Ngoài ra, kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án mà người có nghĩa vụ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ thì phải chịu tiền lãi suất theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

[3]. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 2 Điều 27 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14. Ông T phải chịu tiền án phí sơ thẩm dân sự là 38.609.500 đồng (Ba mươi tám triệu sáu trăm lẻ chín nghìn năm trăm đồng). Việc yêu cầu khởi kiện của ông Tuấn A được Tòa án chấp nhận nên không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 22.602.000 đồng (Hai mươi hai triệu sáu trăm lẻ hai nghìn đồng), theo biên lai N^o0001842 ngày 06/02/2023 của cơ quan Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Vĩnh L, cho ông Tuấn A.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

I. Căn cứ các Điều 463, Điều 468, Điều 469, Điều 357 Bộ luật Dân sự; Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tổ tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Tuấn A.

Buộc ông Hồ Nhật T phải trả tiền vốn vay ngày 01/8/2022 còn nợ lại 886.984.500 đồng (Tám trăm tám mươi sáu triệu chín trăm tám mươi bốn nghìn năm trăm đồng), cho ông Nguyễn Tuấn A.

Ông Hồ Nhật T đã trả đầy đủ toàn bộ tiền vốn vay và tiền lãi của số tiền vay 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng) vào ngày 05/8/2022.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án mà người có nghĩa vụ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ thì phải chịu tiền lãi suất theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

II. Án phí sơ thẩm: Hoàn trả tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 22.602.000 đồng (Hai mươi hai triệu sáu trăm lẻ hai nghìn đồng), theo biên lai N⁰0001842 ngày 06/02/2023 của cơ quan Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Vĩnh L, cho ông Tuấn A.

- Ông T phải chịu tiền án phí sơ thẩm dân sự là 38.609.500 đồng (Ba mươi tám triệu sáu trăm lẻ chín nghìn năm trăm đồng).

Án xử công khai, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho các đương sự biết, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày. Đối với đương sự có mặt được tính từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt, được tính từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS.ND cùng cấp;
- Tòa án tỉnh;
- Cơ quan thi hành án cùng cấp;
- Lưu hồ sơ tại Tòa án.